TOÀ ÁN ND HUYỆN L **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **13**/2019/QĐST-HNGĐ	*LB, ngày 10 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bàn Càn T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 108 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bàn Càn T và chị Đặng Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Anh Bàn Càn T là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Thu T, sinh ngày 10/10/2013 và cháu Đặng Thiên V, sinh ngày 20/7/2015, hiện hai cháu đang ở cùng anh T. Chị Đặng Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu mỗi tháng 2.000.000đ *(hai triệu*

đồng), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Anh T, chị H không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Anh T, chị H không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Bàn Càn T nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: 0006146 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, anh T đã nộp đủ. Hoàn trả lại cho anh Bàn Càn T số tiền chênh lệch 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Đặng Thị H phải chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang, VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến